

Bản án số: **29** /2021/DS-ST
Ngày: 15 - 4 - 2021
V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Quang;

Ông Đỗ Tấn Thọ;

- **Thư ký phiên Tòa:** Ông Võ Thành Trung – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 04 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2021/TLST – DS ngày 28 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp H, xã T1, huyện B, tỉnh E.

- **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Kiều T**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp S, xã T1, huyện B, tỉnh E.

(Bà T có đơn yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 25/11/2020, biên bản hòa giải ngày 11/3/2021 cũng như trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Năm 2014 và năm 2015 bà có làm chủ ba dây hụi trong đó bà Nguyễn Thị Kiều T là hụi viên. Cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Khai ngày 20/6/2015 âm lịch, hụi mệnh hụi là 2.000.000 đồng. Hụi gồm 20 phần, mỗi tháng khai một lần vào ngày 20 âm lịch hàng

tháng. Bà Kiều T chơi một phần, kỳ khai thừa hai ngày 20/7/2015 âm lịch bà T bỏ hụi và hốt hụi, bà giao cho bà T là 25.930.000 đồng, bà T đã nhận đủ hụi. Sau khi hốt hụi bà T đóng hụi đến kỳ khai thứ 5 (ngày 20/10/2015 al) thì nhưng không đóng nữa. Bà phải choàng hụi cho bà T là 15 kỳ, hụi này mãn vào ngày 20/01/2017 al. Số tiền bà T nợ bà 15 kỳ là $15 \times 2.000.000đ = 30.000.000$ đồng.

Dây thứ hai Khai ngày 25/1/2015 âm lịch, hụi mệnh hụi là 2.000.000 đồng. Hụi gồm 20 phần, mỗi tháng khai một lần vào ngày 25 âm lịch hàng tháng. Bà Kiều T chơi một phần, kỳ khai thứ năm ngày 25/5/2015 âm lịch bà T bỏ hụi và hốt hụi, bà giao cho bà T là 27.435.000 đồng, bà T đã nhận đủ hụi. Sau khi hốt hụi bà T đóng hụi đến kỳ khai thứ 10 (ngày 25/10/2015 al) thì nhưng không đóng nữa. Bà phải choàng hụi cho bà T là 10 kỳ, hụi này mãn vào ngày 25/08/2016 al. Số tiền bà T nợ bà 10 kỳ là $10 \times 2.000.000đ = 20.000.000$ đồng.

Dây thứ ba: Khai ngày 29/6/2014 âm lịch, hụi mệnh hụi là 2.000.000 đồng. Hụi gồm 20 phần, mỗi tháng khai một lần vào ngày 29 âm lịch hàng tháng. Bà Kiều T chơi một phần, kỳ khai thứ hai ngày 29/7/2014 âm lịch bà T bỏ hụi và hốt hụi, bà giao cho bà T là 26.110.000 đồng, bà T đã nhận đủ hụi. Sau khi hốt hụi bà T đóng hụi đến kỳ khai thứ 17 (ngày 29/10/2015 al) thì nhưng không đóng nữa. Tôi phải choàng hụi cho bà T là 03 kỳ, hụi này mãn vào ngày 29/01/2016 al. Số tiền bà T nợ tôi 03 kỳ là $03 \times 2.000.000đ = 6.000.000$ đồng.

Tổng cộng ba dây hụi trên bà T bà 56.000.000 đồng. Nhưng bà T đã trả rồi cho tôi là 4.900.000 đồng. Cụ thể như sau: ngày 15/6/2016 trả 400.000 đồng; ngày 20/7/2016 trả 400.000 đồng; ngày 25/8/2016 trả 300.000 đồng; ngày 18/10/2016 trả 400.000 đồng; ngày 15/11/2016 trả 400.000 đồng; ngày 19/10/2017 trả 500.000 đồng; ngày 15/11/2017 trả 500.000 đồng; ngày 20/01/2018 trả 500.000 đồng; ngày 22/04/2018 trả 500.000 đồng; ngày 20/07/2018 trả 500.000 đồng; ngày 25/10/2018 trả 500.000 đồng;

Tại phiên tòa bà N rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Kiều T trong dây hụi thứ hai và thứ ba. Như vậy hiện tại bà T chỉ còn nợ tôi là $30.000.000đ - 4.900.000đ = 25.100.000đ$ (Hai mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng). Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều T phải trả lại bà là 25.100.000 đồng không yêu cầu tính lãi suất.

** Tại biên bản hòa giải ngày 11/3/2021 và bản tự khai ngày 05/3/2021, cũng như trong quá trình xét xử, bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T trình bày:*

Bà Thừa nhận có chơi dây hụi khai ngày 20/6/2015 âm lịch do bà Nguyễn Thị N làm chủ. Hụi khai ngày 20/6/2015 âm lịch, hụi mệnh hụi là 2.000.000 đồng. Hụi gồm 20 phần, mỗi tháng khai một lần vào ngày 20 âm lịch hàng tháng. Bà chơi một phần, kỳ khai thứ hai ngày 20/7/2015 âm lịch bà bỏ hụi và hốt hụi, bà N giao cho bà là 25.930.000 đồng, bà T đã nhận đủ hụi. Sau khi hốt hụi bà đóng hụi đến kỳ khai thứ 5 (ngày 20/10/2015 al) thì nhưng không đóng nữa. Bà còn bà N là 15 kỳ, hụi này mãn vào ngày 20/01/2017 al. Số tiền bà nợ bà T 15 kỳ là $15 \times 2.000.000đ = 30.000.000$ đồng. Nhưng do hụi bề bà xin trả vốn hụi mỗi tháng là 1.268.000 đồng, tôi nợ 15 kỳ là $15 \times 1.268.000đ = 19.020.000$ đồng. Nhưng sau đó tôi có trả cho cho bà N mỗi tháng 500.000 đồng, có tháng trả 400.000 đồng trả từ tháng 6/2016 âm lịch đến tháng 12/2018 âm lịch tổng

cộng là 15.400.000 đồng. Hiện tại bà còn nợ bà N là 19.020.000 đồng – 15.400.000 đồng = 3.620.000 đồng. Nay tôi chỉ đồng ý trả bà N số tiền 3.620.000 đồng.

Còn đối với hai dây hui khui ngày Khui ngày 25/1/2015 âm lịch và dây hui Khui ngày 29/6/2014 âm lịch tôi không có chơi tôi không biết.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ thì Thẩm phán có tiến hành thu thập theo quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và thời hạn chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát cùng cấp theo quy định tại Điều 196, 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với vi phạm của Thẩm phán về thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị khắc phục trong thời gian tới.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Điều 29 và Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị Kiều T phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 25.100.000 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng). Ghi nhận bà Nguyễn Thị N không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên. Bà N rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Kiều T trong dây hui thứ hai và thứ ba đây là sự tự nguyện của bà N nên đình chỉ yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt và T là phù hợp quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với chứng cứ là Biên bản lấy lời khai người làm chứng, biên bản đối chất ngày 31/3/2021, tờ làm chứng do thu thập sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử đã công bố chứng cứ nêu trên tại phiên tòa là phù hợp theo quy định tại Điều 254 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều T trả cho chị số tiền nợ hui là 25.100.000 đồng. Do đó, quan

hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo Giấy xác nhận của Công an xã Lộc Thuận, huyện B, tỉnh E thì bà Nguyễn Thị Kiều T có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện vẫn còn đang sinh sống xã Lộc Thuận, huyện B, tỉnh E. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều T phải trả số tiền nợ hui là 25.100.000 đồng. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều phải trả cho bà số tiền nợ hui là 25.100.000 đồng. Bà T thừa nhận có chơi hui và còn nợ tiền bà N. Do đó có cơ sở xác định giữa bà N và bà T có quan hệ giao dịch của chủ hui là bà N và bà T có làm hui viên. Trong quá trình chơi, bà N đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chủ hui, nhưng đến kỳ mở hui thì bà T không thực hiện hoàn thành nghĩa vụ của hui viên là vi phạm quy định tại Điều 29 và Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường. Tuy nhiên, bà T cho rằng đã trả rồi cho bà N 15.400.000 đồng và nhờ bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm trả dùm đã trả rồi cho bà N 15.400.000 đồng. Tòa án cũng đã tiến hành đối chất giữa các bên nhưng không có căn cứ chứng minh bà T đã trả rồi cho bà N 15.400.000 đồng, trong khi bà N chỉ thừa nhận có nhận từ bà Hồng Cẩm 4.900.000 đồng. Lời thừa nhận của bà N xem đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trên cơ sở đó xác định bà T chỉ còn nợ tôi là $30.000.000đ - 4.900.000đ = 25.100.000đ$ (Hai mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng) nên yêu cầu khởi kiện của bà N đối bà T là phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Bà N không yêu cầu trả lãi suất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Bà N rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Kiều T trong đây hui thứ hai và thứ ba đây là sự tự nguyện của bà N nên đình chỉ yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:**

[06]. Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 217, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 29 và Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Nguyễn Thị Kiều T về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp huỷ*”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kiều T phải có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị N ý số tiền 25.100.000đ (Hai mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án nêu bà Nguyễn Thị Kiều T chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Nguyễn Thị Kiều T trong đây hội thứ hai Khai ngày 25/1/2015 âm lịch và thứ ba Khai ngày 29/6/2014 âm lịch.

4.. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị Kiều T được miễn án phí do người cao tuổi.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Nguyễn Thị Kiều T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh E (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Lê Thị Thu Hương